

Bản án số: 40/2022/HS-ST  
Ngày: 03-8-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Sang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Nhân Phái và bà Đặng Hoàng Ái Thụy.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa:*  
Ông Đinh Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2022/TLST-HS ngày 10/6/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HS ngày 04/7/2022, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh T; tên gọi khác: không; sinh ngày 14/5/2002, tại huyện PL, tỉnh TH; nơi cư trú: Thôn Bình An 1, xã LV, huyện PL, tỉnh TH; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Lê Thị Chanh; vợ, con: chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Nguyễn Gia H; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 19/11/2003 tại huyện PL, tỉnh TH; nơi cư trú: Thôn Phước Lộc, xã LT, huyện PL, tỉnh TH; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trí và bà Nguyễn Thị Nga; vợ, con: chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Gia H: Bà Trần Thị Quỳnh Phương, trợ giúp viên pháp lý - T tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh TH, có mặt.

3. Nguyễn Văn H1; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 28/01/2004 tại huyện PL, tỉnh TH; nơi cư trú: Thôn Phước Lộc, xã LT, huyện PL, tỉnh TH; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Hùng và bà Nguyễn Thị Diệu; vợ, con: chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H1: Bà Trần Thị Diệu Lành, trợ giúp viên pháp lý - T tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh TH, có mặt.

4. Dương Quang T1; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 27/6/2004 tại huyện PL, tỉnh TH; nơi cư trú: Thôn T Kiền, xã LT, huyện PL, tỉnh TH; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Quang C và bà Bùi Thị T3; vợ, con: chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Dương Quang T1: Bà Phạm Thị Thùy Trang, trợ giúp viên pháp lý - T tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh TH, có mặt.

5. Trần Văn Đ; tên gọi khác: Không; sinh ngày 27/01/2001 tại huyện PL, tỉnh TH; nơi cư trú: Thôn Phú C, xã Lộc Thủy, huyện PL, tỉnh TH.; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Cho và bà Nguyễn Thị Kim; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không có; tiền án: Có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo hiện đang thi hành án phạt tù tại Trại giam Bình Điền, tỉnh TH (Theo Quyết định thi hành án phạt tù số: 67/2021/QĐ-CA ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện PL); có mặt.

Quá trình nhân thân: Ngày 28/4/2020 bị Tòa án nhân dân huyện PL xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 05/2020/HSST, ngày 28/4/2020); Ngày 23/9/2021 bị Tòa án nhân dân huyện PL xử phạt 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” (Bản án số 37/2021/HSST, ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện PL).

6. Trần Xuân C1; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 12/8/2002 tại huyện PL, tỉnh TH; nơi cư trú: Thôn Bình An 1, xã LV, huyện PL, tỉnh TH; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Dũng và bà Lê Thị Loan; vợ, con: chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; bị cáo tại ngoại, có mặt.

7. Nguyễn T3; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 09/8/2005 tại huyện PL, tỉnh TH; nơi cư trú: Thôn Thổ Sơn, xã LT, huyện PL, tỉnh TH; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hùng và bà Lê Thị Thu Vân; vợ, con: chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn T3: Bà Phạm Thị Thùy Trang, trợ giúp viên pháp lý - T tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh TH, có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn T3: Ông Nguyễn Hùng, sinh năm 1972 và bà Lê Thị Thu Vân, sinh năm 1969. Trú tại: Thôn Thổ Sơn, xã LT, huyện PL, tỉnh TH, bà Vân có mặt.

8. Trương Văn T; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 05/9/2003 tại huyện PL, tỉnh TH; nơi cư trú: Thôn Phước Lộc, xã LT, huyện PL, tỉnh TH; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Tiến và bà Phan Thị T; vợ, con: chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại, có mặt.

9. Nguyễn Thị G; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 20/10/1953 tại huyện PL, tỉnh TH; nơi cư trú: Thôn Phước Lộc, xã LT, huyện PL, tỉnh TH; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Nhơn (đã chết) và bà Dương Thị Con (đã chết); có chồng Nguyễn Hường, sinh năm 1946 và 07 người con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Bị hại:

+ Anh Lê Hồng T4, sinh năm 1984. Trú tại: Thôn Cảnh Dương, xã LV, huyện PL, tỉnh TH, vắng mặt.

+ Anh Trương Công L1, sinh năm 1984. Trú tại: Thôn Phú Hải, xã LV, huyện PL, tỉnh TH, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1968. Trú tại: Thôn Hòa Mậu, xã Lộc Trì, huyện PL, tỉnh TH, vắng mặt.

+ Bà Huỳnh Thị Ánh, sinh năm 1980. Trú tại: Thôn Hòa Mậu, xã Lộc Trì, huyện PL, tỉnh TH, vắng mặt.

+ Bà Trần Thị H, sinh năm 1966. Trú tại: Tổ dân phố 5 thị trấn PL, huyện PL, tỉnh TH, vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Dương Quang C, sinh năm 1971. Trú tại: Thôn T Kiên, xã LT, huyện PL, tỉnh TH, có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Chi, sinh năm 1993. Trú tại: Thôn Bình An 1, xã LV, huyện PL, tỉnh TH, có mặt.

+ Anh Phan Văn Duy, sinh năm 2007. Trú tại: Tổ dân phố 9, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh TH. Hiện đang chấp hành tại trường giáo dưỡng số 3 - Cục C10, Bộ Công an. Địa chỉ: Thôn Phú Túc, xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang, T phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Phan Văn Duy: Bà Trần Thị Diệu Lành, trợ giúp viên pháp lý - T tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh TH, có mặt.

+ Ông Hồ Văn Hoạt, sinh năm 1969. Trú tại: Tổ 1, khu vực 1 phường Thủy Xuân, T phố Huế, tỉnh TH. vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Hường, sinh năm 1946. Trú tại: Thôn Phước Lộc, xã LT, huyện PL, tỉnh TH, có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 29/9/2021 đến ngày 24/10/2021 tại địa bàn xã LV và thị trấn PL, huyện PL, tỉnh TH. Nguyễn Minh T, Nguyễn Gia H, Trần Xuân C1, Dương Quang T1, Nguyễn T3, Nguyễn Văn H1, Trần Văn Đ, Trương Văn T đã thực hiện 03 vụ chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 23 giờ ngày 29/9/2021, Nguyễn Gia H, Dương Quang T1, Nguyễn Minh T, Trần Xuân C1, Nguyễn Văn H1, Lê Văn Toàn và Trần Văn Đ, cùng ngồi chơi tại quán nước ở thôn Phước Lộc, xã LT. Lúc này, H nói với cả nhóm về hồ nuôi tôm của anh Lê Hồng T4 để trộm cắp tài sản và được cả nhóm đồng ý. Đ dùng xe mô tô 75K1- 478.84 chở T1 và C1; T dùng xe mô tô 75K1- 493.07 chở H1; H dùng xe mô tô 75L2 - 0389 chở Toàn. Khi

đến nơi T1, H1, Đ ở lại trông xe đồng thời cảnh giới còn T, H, Toàn, C1 vào tìm tài sản. Đến 01 giờ 00 phút ngày 30/9/2021, T, H, Toàn, C1 lấy được 02 mô tơ bơm nước, 02 cầu chuyển động. Sau đó, cả nhóm đưa số tài sản chiếm đoạt được đến bãi phế liệu của bà Nguyễn Thị G, ở thôn Phước Lộc, xã LT cất giấu. Sáng ngày 30/9/2021 T và H đến gặp bà G bán được số tiền 750.000đ và chia nhau tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04/HĐĐG-TS ngày 22/02/2022 và kết luận số 91/HĐĐG-TS ngày 12/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện PL kết luận 02 Cầu chuyển động bằng sắt, trọng lượng 12kg/01 cầu, mua năm 2014 có giá trị 1.400.000đ; 02 mô tơ bơm nước, công suất 3,7kw, trọng lượng 15 kg, sử dụng năm 2015 có giá trị 1.400.000đ. Tổng giá trị tài sản các đối tượng chiếm đoạt là 2.800.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Hồng T4 yêu cầu các bị cáo Nguyễn Gia H, Dương Quang T1, Nguyễn Minh T, Trần Xuân C1, Nguyễn Văn H1 và Trần Văn Đ bồi thường số tiền 10.000.000đ. Các bị cáo đã đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại, đã bồi thường số tiền 5.730.000đ, còn lại 4.270.000đ chưa bồi thường.

Vụ thứ hai: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 01/10/2021, Nguyễn Minh T, Nguyễn T3, Nguyễn Văn H1, Dương Quang T1, Nguyễn Gia H, Trần Xuân C1 và Trần Văn Đ gặp nhau tại quán Internet “Phương Thìn” ở thôn Phước Lộc, xã LT. Tại đây, T khởi xướng rủ cả nhóm đi trộm cắp tài sản tại hồ nuôi tôm của anh Lê Hồng T4 và tất cả đều đồng ý. H điều khiển xe mô tô 75L2 - 0389 chở T3; Đ điều khiển xe mô tô 75K1- 478.84 chở T1, C1; T điều khiển xe mô tô 75K1- 493.07 chở H1. Khi đến nơi H1, T1 và Đ đứng ngoài giữ xe mô tô và cảnh giới, H, C1, T và T3 đi vào bên trong thì phát hiện 01 máy phát điện ở trước nhà kho nên cùng nhau đưa máy phát điện ra ngoài. Do máy phát điện quá nặng nên T nói “đi trộm xe kéo về chở”, còn C1 nói với T1 chạy xe mô tô vào chở cả nhóm ra. Sau đó cả nhóm chạy đi tìm xe kéo và phát hiện có một chiếc xe kéo (xe bò) ở trước sân nhà của ông Trương Công L1. H đi bộ vào lấy trộm chiếc xe kéo, sau đó T1 dùng xe máy chở, còn H ngồi sau kéo xe. Cả nhóm đi lên khu vực có máy phát điện vừa trộm cắp được và đặt máy phát điện lên xe kéo. H điều khiển xe máy 75L2 - 0389 chở T3 ngồi sau kéo xe có tài sản vừa trộm cắp được chạy lên hướng xã LT. Khi vừa qua cầu Thừa Lưu thì xe kéo bị lật nên T3 và H bỏ xe kéo và máy phát điện lại rồi đi về, còn Đ, T1, C1, T, H1 đưa máy phát điện đến chỗ của bà G. Sáng ngày 02/10/2021, T và C1 đến bán máy phát điện và xe kéo cho bà G. Mặc dù biết rõ tài sản do trộm cắp mà có nhưng bà G vẫn thu mua với số tiền 1.800.000đ. Sau khi bán được tài sản chiếm đoạt được T, C1 chia cho H và T3 mỗi người 150.000đ, còn lại mỗi người 300.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 91/HĐĐG-TS ngày 12/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện PL kết luận: Đầu máy phát điện 3 pha, công suất 15Kw, STC-15, trọng lượng 132 kg, JB/T8981-1999, sử dụng năm 2015 có giá trị 3.500.000đ; xe kéo (xe bò), khung sắt, sàn gỗ, lốp cao su, sử dụng tháng 8/2021 có giá trị 1.200.000đ; Tổng cộng 4.700.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Trương Công L1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.200.000đ. Các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn T3, Nguyễn Văn H1, Dương Quang T1, Nguyễn Gia H, Trần Xuân C1 và Trần Văn Đ đã

giải quyết xong vấn đề dân sự, bị hại đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu gì thêm. Anh Lê Hồng T4 đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì.

Vụ thứ 3: Khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 23/10/2021, khi đang ở nhà nghỉ Family ở thôn Cảnh Dương, xã LV. Phan Văn Duy, Trương Văn T, Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn H1, Dương Quang T1 đang ngồi chơi với nhau thì Duy rủ cả nhóm ra chợ Cầu Hai (ở thị trấn PL) để kiểm đồ ăn, nước uống và được cả nhóm đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 75K1- 493.07 chở T; T1 điều khiển xe mô tô 75K1- 384.66 chở Duy và H1 cùng di chuyển ra chợ Cầu Hai. Khi đến chợ, cả nhóm đi đến quán tạp hóa của chị Nguyễn Thị Hiếu, T dùng cờ lê bẻ khóa rồi cùng đồng bọn đột nhập vào quán trộm cắp 01 lốc nước ngọt cocacola loại 1,5 lít (6 chai); 03 thùng nước ngọt Numberone; 06 gói thuốc là Spin; 06 gói thuốc là sài gòn xanh; 01 bì kẹo Colia, 01 bì kẹo Apelibe, 06 hộp kem đánh răng PS, 50 gói cà phê Net, 10 cái bột đánh răng, 01 thùng nước ngọt 0 độ. Sau khi thực hiện xong hành vi trộm cắp tại quán bà Hiếu cả nhóm tiếp tục qua quán tạp hóa của chị Huỳnh Thị Ánh chiếm đoạt tài sản gồm 01 chai nước rửa chén Sun lye loại 2 lít, 7 dây dầu gội đầu, dầu xả. Sau đó H1, Duy, T tiếp tục vào quán tạp hóa của bà Trần Thị H để trộm cắp tài sản còn T1, T đứng ngoài cảnh giới, tài sản trộm cắp 16 ly xúc xích, 01 hộp yến, 02 thùng phở đệ nhất, 01 thùng mì tôm 3 miền, 10 lốc sữa Mi lo, 8 hộp bánh magic, 6 hộp bánh Chocopie, 01 bì bánh caro chà bông, 3 gói thuốc ngựa, 8 gói khánh hội, 5 gói thuốc lá Fatoc, 15 gói cà phê sài gòn. Sau khi trộm cắp tài sản xong thì cả nhóm chở tài sản trộm cắp được đem về nhà nghỉ Family cất dấu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 87/HĐĐG-TS ngày 01/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện PL kết luận: 17 gói phở hiệu Đệ Nhất; 01 hũ nước Yến hiệu Seanet; 6 gói café hiệu NESCAFE; 03 dây, mỗi dây gồm có 14 gói dầu gội hiệu ROMANO; 04 chai nước ngọt hiệu COCACOLA loại 1,5 lít; 09 lốc, mỗi lốc gồm 6 chai nước ngọt hiệu Number1; 01 cây kẹo hiệu Alpenliebe; 05 bàn chải đánh răng hiệu PS có tổng giá trị 2.992.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị H yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.600.000đ; Chị Nguyễn Thị Hiếu yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000đ; Chị Nguyễn Thị Ánh không yêu cầu bồi thường. Các bị cáo đã giải quyết xong vấn đề dân sự. Các bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo T, H1, T1, T.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô 75K1-38466; 01 xe mô tô 75K1 - 49307; 01 xe mô tô 75L2- 0389; 01 xe mô tô 75K1- 478.84; 01 máy phát điện 3 pha công suất 15KW, trọng lượng 132 kg; 02 lốp xe kéo (xe bò) có đường kính 60 cm; 17 gói phở hiệu Đệ Nhất; 01 hũ nước Yến hiệu Seanet; 6 gói café hiệu NESCAFE; 03 dây, mỗi dây gồm có 14 gói dầu gội hiệu ROMANO; 04 chai nước ngọt hiệu COCACOLA loại 1,5 lít; 09 lốc, mỗi lốc gồm 6 chai nước ngọt hiệu Number1; 01 cây kẹo hiệu Alpenliebe; 05 bàn chải đánh răng hiệu PS; 03 dây, mỗi dây gồm có 14 gói dầu gội hiệu ROMANO; 01 cây Cờ lê kích thước 2,1cm; 01cây cờ lê kích thước 2,4cm.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKSPL ngày 08/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, tỉnh TH đã truy tố các bị cáo Nguyễn Minh T, Trần Xuân C1, Dương Quang T1, Nguyễn T3, Nguyễn Gia H, Nguyễn Văn H1, Trần Văn Đ, Trương Văn T có lý lịch nêu trên về tội “Trộm cắp tài sản” được quy

định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thị G về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Gia H từ 06 đến 08 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 06 đến 08 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 đến 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 65 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Dương Quang T 06 đến 08 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 đến 16 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 56 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn Đ từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án đối với tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt 01 năm tù của Bản án số 37/2021/HSST, ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện PL. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù (được trừ thời gian bị cáo đã chấp hành từ ngày 16/12/2021 đến ngày 03/8/2022).

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Xuân C 1 từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 36, các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 91, Điều 100 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn T3 từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 36, các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị G từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Gia H trình bày: Về cơ bản nhất trí với Cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo H là người dưới 18 tuổi, chưa am hiểu pháp luật, nghe theo

lời bạn bè, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật hình sự để cho bị cáo H được hưởng án treo.

Người bào chữa cho các bị cáo Dương Quang T1, Nguyễn Văn H1 Nguyễn T3 về cơ bản nhất trí với Cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo cũng như việc áp dụng hình phạt, không có ý kiến gì thêm.

Đối với Phan Văn Duy khi thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không xử lý và đã có quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Phan Văn Duy nhất trí như việc xử lý của các cơ quan tiến hành tố tụng đối với Phan Văn Duy.

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã xác định, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được kiểm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện PL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa một số người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử cho công bố lời khai của người vắng mặt tại phiên tòa nên việc xét xử vụ án là đảm bảo quy định của pháp luật.

[2] Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 29/9/2021 đến ngày 24/10/2021, tại địa bàn xã LV và thị trấn PL, huyện PL, tỉnh TH. Các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Gia H, Nguyễn Văn H1, Trần Xuân C1, Dương Quang T1, Trần Văn Đ, Nguyễn T3, Trương Văn T đã 03 lần lén lút chiếm đoạt tài sản của các anh Lê Hồng T4, Trương Công L1, chị Trần Thị H, Huỳnh Thị Ánh, Nguyễn Thị Hiếu, có tổng giá trị 10.492.000đ, cụ thể, bị cáo T, H1, T1 tham gia thực hiện cả 03 vụ trộm cắp tài sản; bị cáo C1, H, Đ tham gia thực hiện 02 vụ tài sản; bị cáo T, T3 tham gia thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản. Bị cáo Nguyễn Thị G biết rõ tài sản do Nguyễn Minh T và các đồng phạm trộm cắp có giá trị 3.500.000đ, là tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn mua nhằm mục đích thu lợi bất chính.

Các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Gia H, Nguyễn Văn H1, Trần Xuân C1, Dương Quang T1, Trần Văn Đ, Nguyễn T3, Trương Văn T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức việc trộm cắp tài sản là vi

phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị G là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nhưng vì hám lợi nhưng vẫn tiêu thụ nên đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Do vậy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện PL đã truy tố đối với các bị cáo theo tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác được Nhà nước bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm quyền sở hữu, tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có đều phải bị xử lý. Song xuất phát từ động cơ vụ lợi nên các bị cáo đã thực hiện tội phạm. Hành vi của các bị cáo gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên cần phải xét xử nghiêm để giáo dục, răn đe và phòng ngừa. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần cân nhắc vai trò, vị trí của các bị cáo, nhất là đối với các bị cáo là người dưới 18 tuổi.

[4] Về nhân thân: Trừ bị cáo Nguyễn Văn Đ có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, tất cả các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với các bị cáo Nguyễn Minh T, Trần Xuân C1, Dương Quang T1, Nguyễn Gia H, Nguyễn Văn H1, Trần Văn Đ đều phạm tội 02 lần trở lên nên phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, ngày 01/10/2021, Nguyễn Minh T khởi xướng rủ cả nhóm gồm Nguyễn Minh T, Nguyễn T3, Nguyễn Văn H1, Dương Quang T1, Nguyễn Gia H, Trần Xuân C1 và Trần Văn Đ, thời điểm này H, H1, T1 và T3 đều dưới 18 tuổi nên bị cáo T còn chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Bị cáo Trần Văn Đ đã có 01 tiền án về hành vi “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục phạm tội nên phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn T3, Trương Văn T và Nguyễn Thị G không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tất cả các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn (những lần trộm cắp đều dưới 05 triệu đồng); có thái độ T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn T3 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với các bị cáo Dương Quang T1, Nguyễn Gia H, Nguyễn Văn H1 và Nguyễn T3 khi thực hiện hành



vi phạm tội các bị cáo này chưa đủ 18 tuổi được áp dụng thêm Điều 91 của Bộ luật hình sự về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

[7] Xét vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm, tính chất giản đơn. Trong đó vụ trộm cắp tài sản vào ngày 29/9/2021 Nguyễn Gia H là người rủ rê; vụ trộm cắp vào ngày 01/10/2021 Nguyễn Minh T là người rủ rê, vụ trộm cắp tài sản vào ngày 24/10/2021 Phan Văn Duy là người rủ rê, còn lại các bị cáo gồm Trần Xuân C1, Dương Quang T1, Nguyễn T3, Nguyễn Văn H1, Trần Văn Đ, Trương Văn T có vai trò thực hành tích cực, giúp sức trong các lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi của mình.

[8] Xét các căn cứ quyết định hình phạt thấy rằng: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo, nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với các bị cáo Nguyễn Minh T, Trần Văn Đ đều trên 18 tuổi, phạm 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong đó T có một lần là người khởi xướng và xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội, thực hiện tội phạm tích cực; bị cáo Trần Văn Đ đã có 01 tiền án về hành vi “Trộm cắp tài sản nên xử phạt tù đối với các bị cáo để có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đối với các bị cáo Dương Quang T1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Gia H phạm vào 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, khi thực hiện hành vi phạm tội là người dưới 18 tuổi nên xử phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục. Đối với bị cáo Nguyễn T3 và Trương Văn T được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phạm vào tình tiết tăng nặng. Ngoài ra, bị cáo T3 là người dưới 18 tuổi nên cần xem xét xử phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục và không khấu trừ thu nhập của các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị G được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào nên xử phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với ông Dương Quang C, việc bị cáo Dương Quang T1 sử dụng xe mô tô 75K1-386.44 của ông C để làm phương tiện để thực hiện trộm cắp tài sản nhưng ông C hoàn toàn không biết nên không có cơ sở để xử lý đồng phạm về tội trộm cắp tài sản.

Đối với chị Nguyễn Thị Chi cho bị cáo Nguyễn Minh T mượn xe mô tô 75K1- 493.07 nhưng chị Chi hoàn toàn không biết nên không có cơ sở để xử lý đồng phạm về tội trộm cắp tài sản.

Đối với Phan Văn Duy khi thực hiện hành vi phạm tội thì Duy chưa đủ tuổi để chịu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện PL đã đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

Đối với đối tượng Lê Văn Toàn theo lời khai của các bị cáo Toàn có tham gia trộm cắp vào ngày 29/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện PL đã tiến hành điều tra nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý theo đúng quy định của pháp luật, tránh việc bỏ lọt tội phạm.

[09] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Lê Hồng T4 yêu cầu các bị cáo Nguyễn Gia H, Dương Quang T1, Nguyễn Minh T, Trần Xuân C1, Nguyễn Văn H1 và Trần Văn Đ bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Các bị cáo đã đồng ý đã trả cho anh T4 được số tiền 5.730.000đ, còn lại số tiền 4.270.000 đồng các bị cáo tiếp tục bồi thường. Bị hại Trương Công L1, Trần Thị H, Nguyễn Thị Hiếu đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường, tại phiên tòa không ai có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Ngoài ra các bị cáo H, H1, T3, T1 phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện PL đã trả lại cho người sở hữu hợp pháp gồm:

Trả lại cho anh Lê Hồng T4 01 máy phát điện 3 pha; Trả lại cho ông Dương Quang C 01 xe mô tô hiệu Ware RSX màu đỏ - đen biển số 75K1-38466; Trả lại cho bà Trần Thị H: 17 gói phở hiệu Đệ Nhất; 05 gói mì tôm hiệu Ba Miền; 01 hũ nước Yến hiệu Seaset; 6 gói café hiệu NESCAFE; Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hiếu: 04 chai nước ngọt hiệu COCACOLA loại 1,5 lít; 09 lóc, mỗi lóc gồm 6 chai nước ngọt hiệu Number1; 01 cây kẹo hiệu Alpenliebe; 05 bàn chải đánh răng hiệu PS; Trả lại cho bà Huỳnh Thị Ánh: 03 dây dầu gội, mỗi dây gồm có 14 gói dầu gội hiệu ROMANO.

Đối với 01 xe mô tô hiệu AIRBLADE màu xanh biển số 75K1- 49307, 01 xe mô tô hiệu SIRIUS màu đen trắng biển số 75L2- 0389. Các bị cáo mượn đi trộm cắp nhưng chủ sở hữu hoàn toàn không biết nên được trả lại.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Exciter 75K1- 478.84 của bị cáo Trần Văn Đ dùng phương tiện để đi trộm cắp tài sản nên tịch thu sung công ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 1.800.000đ các bị cáo bán tài sản trộm cắp cho bà Nguyễn Thị G. Đây là tiền thu lợi bất chính từ hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên cần truy thu của Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn H1, Dương Quang T1, Trần Xuân C1 và Trần Văn Đ mỗi bị cáo 300.000đ, truy thu của bị cáo Nguyễn Gia H, Nguyễn T3 mỗi bị cáo 150.000đ để sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 cây Cờ lê kích thước 2,1cm; 01 cây cờ lê kích thước 2,4cm không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Gia H, Nguyễn Văn H1, Trần Xuân C1, Dương Quang T1, Trần Văn Đ, Nguyễn T3, Trương Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Nguyễn Thị G phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điểm g, o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.  
Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 01(một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 56 của Bộ luật hình sự.  
Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 01(một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án đối với tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt 01 năm tù của Bản án số 37/2021/HSST, ngày 23/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện PL. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 02 (hai) năm tù (bị cáo được trừ thời gian đã chấp hành án từ ngày 16/12/2021 đến ngày 03/8/2022).
- Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 của Bộ luật hình sự.  
Xử phạt bị cáo Trần Xuân C1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.  
Giao bị cáo Trần Xuân C1 cho Ủy ban nhân dân xã LV, huyện PL, tỉnh TH giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.
- Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65, Điều 91 của Bộ luật hình sự.  
Xử phạt bị cáo Nguyễn Gia H 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Điều 91, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 của Bộ luật hình sự.  
Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, s khoản 1,2 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 91, Điều 65 của Bộ luật hình sự.  
Xử phạt bị cáo Dương Quang T1 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
- Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 36, các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.  
Xử phạt bị cáo Trương Văn T 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.
- Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 36, các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91 của Bộ luật hình sự.  
Xử phạt bị cáo Nguyễn T3 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.  
Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã LT, huyện PL, tỉnh TH nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.  
Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo xử phạt cải tạo không giam giữ.
- Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị G 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Gia H, Nguyễn Văn H1, Dương Quang T1, Nguyễn T3, Trương Văn T và Nguyễn Thị G cho Ủy ban nhân dân xã LT, huyện PL, tỉnh TH giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Xử buộc các bị cáo Nguyễn Gia H, Dương Quang T1, Nguyễn Minh T, Trần Xuân C1, Nguyễn Văn H1 và Trần Văn Đ có nghĩa vụ liên đới bồi thường theo phần cho anh Lê Hồng Tuyên số tiền 4.270.000đ, phần mỗi bị cáo bồi thường là 710.160đ, tổng cộng là 4.270.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên xử:

- Trả lại 01 xe mô tô hiệu AIRBLADE màu xanh biển số 75K1-49307 cho chị Nguyễn Thị Chi; 01 xe mô tô hiệu SIRIUS màu đen-trắng biển số 75L2- 0389 cho ông Nguyễn Trí và bà Nguyễn Thị Nga.

- Tịch thu sung công ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô hiệu Exciter màu đen biển số 75K1- 478.84.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cây Cờ lê kích thước 2,1cm; 01 cây cờ lê kích thước 2,4cm.

- Truy thu của Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn H1, Dương Quang T1, Trần Xuân C1 và Trần Văn Đ mỗi bị cáo 300.000đ; Truy thu của bị cáo Nguyễn Gia H, Nguyễn T3 mỗi bị cáo 150.000đ để sung quỹ nhà nước.

(Các vật chứng trên có đặc điểm theo như biên bản giao nhận vật chứng số 41/BBVC-CCTHADS, ngày 16/6/2022, giữa Công an huyện PL và Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL).

5. Về án phí thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử buộc:

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Gia H, Nguyễn Văn H1, Trần Xuân C1, Dương Quang T1, Trần Văn Đ, Nguyễn

T3, Trương Văn T và Nguyễn Thị G mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Gia H, Dương Quang T1, Nguyễn Minh T, Trần Xuân C1, Nguyễn Văn H1 và Trần Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh T.T.Huế;
- Sở tư pháp tỉnh T.T.Huế;
- VKSND huyện PL;
- Công an huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Bị cáo; bị hại, người cps QL&NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Sang**